

HIỆN TRẠNG VÀ VAI TRÒ CỦA CHỨNG NHẬN VietGAP TRONG NUÔI TÔM: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP NUÔI TÔM THẺ CHÂN TRẮNG Ở TỈNH SÓC TRĂNG, VIỆT NAM

Nguyễn Thị Kim Quyên¹, Nguyễn Thanh Long², Huỳnh Văn Hiền³

CURRENT SITUATION AND ROLES OF VietGAP CERTIFICATION TO SHRIMP FARMING: A CASE STUDY OF WHITE LEG SHRIMP FARMING IN SOC TRANG PROVINCE, VIET NAM

Nguyen Thi Kim Quyen¹, Nguyen Thanh Long², Huynh Van Hien³

Tóm tắt – Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 2 đến tháng 5/2019 thông qua phỏng vấn 105 hộ nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh theo chứng nhận VietGAP tại tỉnh Sóc Trăng. Nghiên cứu nhằm đánh giá hiện trạng và hiệu quả thực hành chứng nhận trong quản lý dịch bệnh và chất lượng tôm nuôi. Tiêu chuẩn VietGAP được khuyến khích áp dụng từ năm 2013 và ngày càng mở rộng. Nhờ thực hành tốt theo hướng dẫn của VietGAP như xây dựng ao lắng (94%), kiểm dịch tôm giống 100%, mật độ thả nuôi phù hợp (40 con/m²), quản lý nước bằng bộ công cụ (100%), không sử dụng chất cấm nên dịch bệnh được hạn chế (40%), năng suất đạt từ 2,7 đến 5,6 tấn/ha/vụ và lợi nhuận đạt 179 triệu đồng/ha/vụ có bệnh và 324 triệu đồng/ha/vụ không có bệnh. 49% tôm VietGAP được bán trực tiếp cho nhà máy chế biến hoặc mạng lưới của họ, 98% lô hàng xét nghiệm đạt chuẩn xuất khẩu và nhận thêm từ hai đến năm nghìn đồng/kg. Như vậy, tiêu chuẩn VietGAP có ý nghĩa quan trọng trong cải thiện chất lượng tôm xuất khẩu.

Tuy nhiên, tỉ lệ số hộ đạt được chứng nhận còn thấp do người dân thiếu động lực kinh tế trực tiếp (giá bán không chênh lệch giữa tôm nuôi thông thường và tôm nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP) và những hỗ trợ về tài chính bên ngoài.

Từ khóa: chứng nhận VietGAP, tỉnh Sóc Trăng, tôm thẻ chân trắng.

Abstract – This study was conducted from February to May 2019 through interviewing 105 white leg shrimp intensive farming households according to VietGAP certification in Soc Trang Province in Vietnam, and aimed to evaluate current situation and the efficiency of VietGAP practices regarding disease and quality management. VietGAP has been operated since 2013 and has grown dramatically. Due to good practices and positive influence of VietGAP guidance, such as reservoir construction (94%); post-larvae testing (100%); reasonable stocking density (40 PL/ m²); and monitoring water using toolkits (100%); disease outbreaks were reduced (40%). Adhering to these measures, the results have been shown that harvest yield has resulted in 2.7 to 5.6 ton/ha/cycle, and profit being 179 million VND/ha/non-disease cycle and 324 million VND/ha/diseased cycle. Up to 49% VietGAP shrimp was sold directly to the processing companies or their

^{1,2,3}Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ
Ngày nhận bài: 11/3/2020; Ngày nhận kết quả bình duyệt: 19/4/2020; Ngày chấp nhận đăng: 8/5/2020
Email: ntkquyen@ctu.edu.vn

^{1,2,3}College of Aquaculture & Fisheries, Can Tho University

Received date: 11th March 2020; Revised date: 19th April 2020; Accepted date: 8th May 2020

purchasing network, 98% of transactions met requirements for export, and receiving premium price at two to five thousand VND/kg. Therefore, VietGAP has improved the quality of shrimp for export. However, the ratio of farmers being awarded certification is small because farmers lack financial motivation (no difference in price between GAP vs non-GAP shrimp products) and external support from related organizations.

Keywords: *Soc Trang Province, VietGAP certification, white leg shrimp.*

I. GIỚI THIỆU

Ngành thủy sản có vai trò quan trọng đối với kinh tế Việt Nam. Năm 2018, ngành thủy sản cung cấp hơn 4,3 triệu tấn và đạt giá trị xuất khẩu gần 9 tỉ đô la Mỹ [1]. Các sản phẩm chế biến từ cá tra, tôm được xuất khẩu và tiêu thụ ở nhiều nước trên thế giới. Theo Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) [1], ngành sản xuất tôm biển đã phát triển một cách mạnh mẽ, cung cấp từ 47.100 tấn năm 1995, tăng lên 762.000 tấn năm 2018 [1], [2]. Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là vùng nuôi tôm thương phẩm trọng điểm của cả nước, chiếm 93% tổng diện tích nuôi và 82% tổng sản lượng tôm nuôi [3]. Nghề nuôi tôm bắt đầu từ thập niên 90 của thế kỷ XX với các mô hình như quảng canh, quảng canh cải tiến, thâm canh, siêu thâm canh. Để đáp ứng nhu cầu tôm trên thị trường thế giới ngày càng tăng, mô hình nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng đã được áp dụng ở những hộ nuôi quy mô nhỏ ở ĐBSCL. Việc phát triển tự phát và mất kiểm soát mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng đã dẫn đến những vấn đề đáng lưu ý như sự bùng phát dịch bệnh, việc sử dụng hóa chất và thuốc mất kiểm soát. Điều này đã ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm xuất khẩu [4]. Trước tình hình đó, Bộ NN&PTNT đã có khuyến cáo và từng bước hỗ trợ người nuôi tôm sản xuất theo các chứng nhận thủy sản như VietGAP, ASC, BAP.

Tuy nhiên, việc áp dụng tiêu chuẩn VietGAP còn gặp nhiều khó khăn khi mục tiêu

chính của tiêu chuẩn VietGAP không phải tạo ra giá trị về tài chính mà tập trung vào quản lý sức khỏe tôm nuôi, an toàn thực phẩm, môi trường xã hội và truy xuất nguồn gốc [5]. Hơn thế, VietGAP là một tiêu chuẩn quốc gia nằm trong hệ thống ASEAN-GAP, mỗi một phiên bản GAP của các nước thành viên sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện đặc hữu của mỗi nước [6]. Chính vì thế, tiêu chuẩn VietGAP chưa được công nhận trên thị trường thế giới và khách hàng tiêu dùng quốc tế không sẵn sàng chi trả thêm cho một chứng nhận quốc gia [4]. Đây là lí do chính mà nhiều người nuôi tôm không có động lực để áp dụng VietGAP. Như vậy, liệu việc ứng dụng tiêu chuẩn VietGAP cho tôm nuôi có cần thiết và hiện trạng áp dụng tiêu chuẩn VietGAP trong nuôi tôm hiện nay như thế nào? Xuất phát từ yêu cầu trên, nghiên cứu *Hiện trạng và vai trò của chứng nhận VietGAP trong nuôi tôm: nghiên cứu trường hợp nuôi tôm thẻ chân trắng ở tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam* được thực hiện.

II. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

VietGAP, viết tắt của cụm từ “Good Aquaculture Practice in Vietnam”, nghĩa là thực hành nuôi trồng thủy sản tốt ở Việt Nam. VietGAP là một chứng nhận quốc gia áp dụng cho nuôi trồng thủy sản nhằm cung cấp sự đảm bảo cho sản xuất sản phẩm an toàn và vệ sinh, giảm thiểu dịch bệnh và ô nhiễm môi trường, thúc đẩy sức khỏe vật nuôi, tăng trách nhiệm xã hội và truy xuất nguồn gốc sản phẩm [7]. VietGAP đưa ra năm nguyên tắc với 45 tiêu chí tập trung vào bốn mô đun: chất lượng và an toàn thực phẩm, kiểm soát dịch bệnh, an toàn môi trường, an toàn và an sinh xã hội. Các cá nhân hay nhóm nông dân đều có thể đạt được chứng nhận VietGAP. Chứng nhận cá nhân ban hành cho những trang trại riêng lẻ thông qua quá trình kiểm toán và đánh giá chính thức, quá trình đăng kí đánh giá và hồ sơ kiểm toán do chính trang trại đó tự chuẩn bị. Tuy nhiên, những hộ sản xuất quy mô nhỏ do bị hạn chế về chi phí

giao dịch, khả năng cạnh tranh, cơ sở vật chất và năng lực sản xuất nên họ sẽ rất khó khăn trong việc ứng dụng và đạt được chứng nhận VietGAP [8]. Chính vì lẽ đó, FAO đã đề xuất phương pháp tiếp cận chứng nhận nhóm thông qua các tổ chức tập thể như hợp tác xã (HTX) hay tổ hợp tác (THT) [9]. Nói cách khác, một nhóm nông dân thuộc một tổ chức kinh tế tập thể như HTX/THT sẽ sở hữu một chứng nhận chung. Quá trình chuẩn bị hồ sơ đăng ký đánh giá và kiểm toán được đại diện của tổ chức đó đứng ra đảm nhận.

Trước khi chứng nhận VietGAP được khuyến khích áp dụng rộng rãi ở tỉnh Sóc Trăng, nghiên cứu của Nguyễn Thị Kim Quyên và ctv (2016) đã chỉ ra rằng dịch bệnh gây ra thiệt hại đáng kể về mặt năng suất và tài chính. Một số loại bệnh thường xuất hiện là hoại tử gan tụy cấp (xảy ra trên 44% số hộ được phỏng vấn) và đốm trắng (xảy ra trên 26% số hộ được phỏng vấn). Đây đều là những bệnh nguy hiểm cho tôm nuôi. Bệnh tôm xuất hiện có tương quan thuận với mật độ thả giống và diện tích ao lắng [10]. Sau khi chứng nhận VietGAP cho tôm được áp dụng rộng rãi, dịch bệnh đã được cải thiện đáng kể (xảy ra trên 50% tổng số hộ được phỏng vấn trong mô hình VietGAP so với 62% tổng số hộ nuôi thông thường được phỏng vấn) nhờ vào quản lý tốt các chỉ tiêu kỹ thuật [4]. Huỳnh Văn Hiền và ctv (2019) cũng đã chỉ ra rằng nuôi tôm theo tiêu chuẩn VietGAP làm tăng năng suất (6,1 tấn/ha/vụ). Mặc dù chi phí có cao hơn do phải tuân thủ theo nhiều quy định của VietGAP nhưng lợi nhuận cũng cao hơn (192 triệu đồng/ha/vụ so với 157 triệu đồng/ha/vụ nếu nuôi thông thường). Việc nuôi theo VietGAP giúp quản lý tốt các chỉ tiêu kỹ thuật và có tiềm năng mang lại hiệu quả tài chính nhờ sản xuất tôm với chất lượng cao hơn đáp ứng nhu cầu xuất khẩu [11]. Tuy nhiên, việc nâng cao chất lượng tôm nuôi theo chứng nhận VietGAP chưa được phân tích trong những nghiên cứu nêu trên. Như vậy, nghiên cứu này sẽ tiếp tục phân tích các chỉ tiêu kỹ thuật và tài chính trong nuôi tôm, chúng tôi tập

trung vào những thay đổi trong quản lý và vận hành trang trại phù hợp với yêu cầu của VietGAP. Bên cạnh đó, vai trò của VietGAP trong cải thiện chất lượng sản phẩm tôm nuôi cũng được nghiên cứu kỹ hơn, kế thừa những nghiên cứu trước về hiệu quả nuôi tôm theo VietGAP.

III. PHƯƠNG PHÁP THU THẬP VÀ XỬ LÝ SỐ LIỆU

Nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn trực tiếp các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh theo tiêu chuẩn VietGAP tại địa bàn huyện Mỹ Xuyên và huyện Vĩnh Châu của tỉnh Sóc Trăng. Chúng tôi sử dụng bảng câu hỏi bán cấu trúc soạn sẵn vào năm 2019 (Hình 1). Sự lựa chọn địa bàn nghiên cứu dựa vào đặc điểm của tỉnh Sóc Trăng được giải thích ở phần IV. Phương pháp “quả cầu tuyết – snow ball” đã được áp dụng cho việc chọn mẫu phỏng vấn. Nghĩa là cán bộ địa phương sẽ cung cấp danh sách những hộ nuôi tôm thẻ VietGAP và giới thiệu một số hộ nuôi ban đầu sẵn sàng tham gia vào nghiên cứu. Những hộ tham gia ban đầu này được yêu cầu giới thiệu những người tiếp theo có thể tham gia vào cuộc phỏng vấn. Tổng số hộ ban đầu được phỏng vấn là 112 hộ, sau khi chọn lọc và loại bỏ những mẫu không đạt yêu cầu, số mẫu cuối cùng được đưa vào xử lý là 105 mẫu, bao gồm 51 mẫu ở huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng và 54 mẫu ở huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Số liệu phỏng vấn được mã hóa và nhập vào máy tính, phần mềm Excel được sử dụng để xử lý số liệu.

Nhóm tác giả cũng tiến hành phỏng vấn cán bộ thuộc Chi cục Thủy sản (Key Informant Panel – KIP Interview) về hiện trạng quản lý ngành hàng tôm tại địa phương và công tác quản lý các HTX/THT thủy sản tại địa phương bằng danh sách câu hỏi được soạn sẵn. Ngoài ra, nhận thức và quan điểm của các cán bộ quản lý về hiện trạng áp dụng các tiêu chuẩn chứng nhận và định hướng phát triển tương lai cũng được thảo luận và ghi nhận.

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

A. Hiện trạng tổ chức kinh tế tập thể ngành thủy sản tỉnh Sóc Trăng

Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau là ba tỉnh có diện tích nuôi tôm thương phẩm lớn nhất cả nước. Năm 2018, người dân tỉnh Sóc Trăng đã thả nuôi trên 54.098 ha, cung cấp tổng sản lượng hơn 134.184 tấn tôm thương phẩm. Huyện Mỹ Xuyên và huyện Vĩnh Châu là hai huyện nuôi tôm điển hình của tỉnh Sóc Trăng, đóng góp hơn 79% tổng sản lượng tôm nuôi của tỉnh. Năm 2018, huyện Mỹ Xuyên có 17.700 ha tôm nuôi, cung cấp hơn 40.000 tấn tôm cho thị trường. Trong khi đó, diện tích và sản lượng tôm nuôi ở huyện Vĩnh Châu là 29.143 ha và 66.022 tấn [12]. Trong những năm gần đây, Chi cục Thủy sản tỉnh Sóc Trăng đã có những nỗ lực đáng kể trong việc hình thành và tổ chức các HTX/THT thủy sản kể từ khi chính sách khuyến khích kinh tế tập thể và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn của Nhà nước được phát hành. Hiện tại, tỉnh Sóc Trăng đã thành lập được 27 HTX thủy sản với 1.218 thành viên, trên 2.784 ha và 174 THT với 3.262 thành viên, trên 3.341 ha (bao gồm 20 THT khai thác hải sản) [12]. Như vậy, tỉnh Sóc Trăng là tỉnh điển hình cho chương trình quốc gia khuyến khích nuôi tôm VietGAP của Việt Nam. Tỉnh đã thu hút được nhiều chương trình, dự án và các tổ chức phi chính phủ đến để hỗ trợ và thực hiện các chương trình này.

B. Thông tin chung về hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tỉnh Sóc Trăng

Thông tin chung về độ tuổi, lao động và kinh nghiệm của những hộ được phỏng vấn thể hiện trong Bảng 1. Phần lớn những người được phỏng vấn là nam giới trong độ tuổi trung niên – độ tuổi mà họ cho rằng mình đủ kinh nghiệm và tự tin để tham gia vào cuộc phỏng vấn mang tính nghiên cứu. Mặc dù những hộ nuôi tôm có kinh nghiệm lâu năm do mô hình nuôi tôm quảng canh có từ lâu đời và là nghề truyền thống, việc chuyển



Hình 1: Địa bàn nghiên cứu và thu mẫu
(Nguồn: Cổng thông tin điện tử tỉnh Sóc Trăng, 2019)

đổi sang mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh mới được thực hiện trong khoảng 10 năm trở lại đây kể từ khi Nghị định số 09/ND-CP nhằm chuyển đổi diện tích đất nông nghiệp năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản được thực hiện [13]. Các hộ nuôi tôm chủ yếu sử dụng lao động gia đình do quy mô nhỏ, với 4,8% số hộ có thuê mướn lao động.

Trình độ học vấn của các hộ nuôi tôm được phỏng vấn chủ yếu là bậc trung học cơ sở (50%), đặc biệt, có 4% số hộ có trình độ đại học/cao đẳng. Việc người nuôi tôm có trình độ cao sẽ góp phần nâng cao nhận thức, tiếp thu tiến bộ khoa học kỹ thuật, đặc biệt là việc áp dụng và đạt được các chứng nhận nuôi trồng thủy sản.

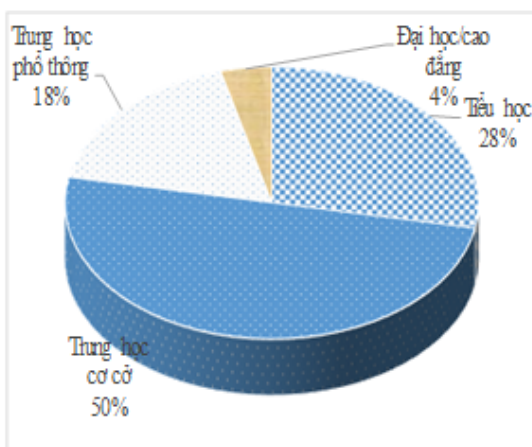
C. Hiện trạng áp dụng tiêu chuẩn VietGAP tại địa bàn nghiên cứu

Vào năm 2013, dự án 'Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững' (Coastal Resources and Sustainable Development – CRS D) do Ngân hàng Thế giới – World Bank tài trợ. Dự án được thực hiện ở ĐBSCL nhằm khuyến khích nuôi trồng thủy sản theo chứng nhận VietGAP [11]. Sóc Trăng là tỉnh thuộc vùng áp dụng của dự án, đã tiên phong trong việc ứng dụng VietGAP và đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Hiện tại, toàn tỉnh đã

Bảng 1: Thông tin chung về độ tuổi, kinh nghiệm và lao động

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị ±DLC	Giá trị nhỏ nhất (Min)	Giá trị lớn nhất (Max)
Số mẫu	Mẫu	105	-	-
Giới tính	Nam/Nữ	76/29	-	-
Tuổi trung bình	Tuổi	50±11,5	36	71
Số người trong gia đình	Người	3,9±1,2	1	7
Số người tham gia nuôi tôm	Người	2,3±0,8	1	4
Kinh nghiệm nuôi tôm	Năm	16,5±6,6	3	20
Kinh nghiệm đối với mô hình hiện tại	Năm	8,0±6,8	1	13

(Nguồn: Số liệu khảo sát, 2019)



Hình 2: Trình độ học vấn của các hộ được khảo sát

(Nguồn: Số liệu khảo sát, 2019)

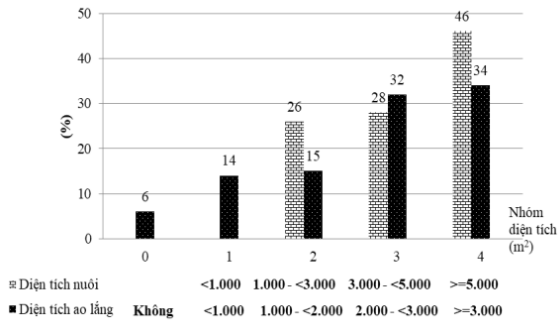
có 27 đơn vị sản xuất áp dụng thực hành tốt (VietGAP, ASC, GlobalGAP, BAP) trên 1.100 ha, trong đó, có 22 đơn vị sản xuất tôm và nhiều HTX/THT khác đang được hỗ trợ để đạt được chứng nhận [12]. Tất cả hộ điều tra đều là thành viên thuộc các HTX nuôi tôm có áp dụng VietGAP, tuy nhiên, chỉ có 30,5% số hộ thuộc các HTX đã được trao chứng nhận và 14% trong số này thuộc HTX có giấy chứng nhận đã bị quá hạn và chưa đăng ký lại. Theo như kết quả điều tra cho thấy, tỉ lệ được cấp chứng nhận VietGAP rất thấp. Nguyên nhân chủ yếu là do việc đăng ký chứng nhận còn khó khăn, nông dân

chưa được hỗ trợ chi phí kiểm toán trong khi giá mua tôm thương phẩm VietGAP không chênh lệch so với sản phẩm thông thường. Những nguyên nhân này khiến nông dân và các HTX thiếu động lực để đăng ký và đạt được chứng nhận VietGAP.

Các khía cạnh kỹ thuật của mô hình nuôi tôm VietGAP

Phần lớn các hộ nuôi tôm có tổng diện tích khoảng 1 ha, trong đó, chỉ khoảng 65% diện tích được sử dụng cho việc nuôi tôm, phần còn lại để xây dựng các công trình phụ như ao lắng, ao xử lý và cống thải. Mỗi hộ thường có hai đến ba ao nuôi với diện tích trung bình mỗi ao là $2,468 \pm 1,082 \text{ m}^2$, có 46% số hộ có diện tích ao nuôi $\leq 5.000 \text{ m}^2/\text{ao}$ và độ sâu mực nước trung bình của ao là 1,18 m. Những ao nuôi với diện tích dao động từ 3.000 m^2 đến 6.000 m^2 sẽ cho năng suất, kích cỡ thu hoạch và hiệu quả cao hơn [14]. Như vậy, những ao nuôi này có diện tích tương đối phù hợp cho việc quản lý và chăm sóc. Kết quả khảo sát cho thấy, có đến 94% số hộ có xây dựng ao lắng theo yêu cầu của tiêu chuẩn VietGAP, diện tích ao lắng phụ thuộc vào diện tích nuôi của hộ, diện tích nuôi càng lớn thì diện tích dành cho ao lắng càng lớn để đáp ứng 15% như tiêu chuẩn VietGAP (Hình 3). Việc xây dựng ao lắng là rất cần thiết cho mô hình nuôi tôm thâm canh, đặc biệt là những vùng nước đục và nơi có mật độ trại nuôi cao [15].

Ao nuôi được sên vét trung bình một



Hình 3: Phân phối số hộ được khảo sát theo nhóm diện tích nuôi và diện tích ao lắng (Nguồn: Số liệu khảo sát, 2019)

lần/năm hay sau mỗi vụ có dịch bệnh bùng phát thay vì đầu mỗi vụ như trong quy định của VietGAP. Nguyên nhân là do người nuôi muốn tiết kiệm chi phí thuê máy móc hay nhân công sên vét. Tuy nhiên, do dành diện tích để nuôi tôm, có đến 55% hộ nuôi xử lý bùn thải chưa đúng theo hướng dẫn của VietGAP, thay vì có ao riêng để chứa bùn thải, nông dân lại thổi đắp lên bờ vuông hay bờ ao, cách xử lý này tạo điều kiện cho mầm bệnh trôi ngược xuống ao nuôi mỗi khi trời mưa. Phần lớn nông dân (96%) đảm bảo được thời gian nghỉ giữa hai vụ (ít nhất 30 ngày) để loại bỏ mầm bệnh từ vụ trước. Nước sử dụng cho nuôi tôm được lắng lọc và xử lý bằng hóa chất trong ao lắng trước đó để đảm bảo chất lượng nước cấp. Tôm giống được mua từ các trại giống địa phương thông qua hợp đồng cung cấp với HTX (90% số hộ). Con giống được kiểm tra một số vi rút gây bệnh đốm trắng, hội chứng tôm chết sớm (EMS) do vi rút Taura, còi gây ra. Tôm giống được thả nuôi ở mật độ $40 \pm 12,8$ con/m² với kích cỡ PL12 (tương đương chiều dài 9-11 mm). Mật độ thả nuôi và kích cỡ tôm giống thả nuôi theo đúng yêu cầu và hướng dẫn của tiêu chuẩn VietGAP.

HTX cũng phát huy vai trò trong các hợp đồng cung cấp thức ăn với các công ti và đại lý thức ăn/thuốc/hóa chất cấp một (61%). Việc cung cấp thức ăn/thuốc/hóa chất được

đánh giá là nhanh và luôn sẵn sàng. Nhằm đảm bảo chất lượng, thức ăn thường được dự trữ chỉ trong khoảng bảy đến chín ngày trong các kho trữ chắc chắn, riêng biệt theo tiêu chuẩn của VietGAP. Các hộ nuôi đều thực hiện ghi chép nhật kí đầy đủ và kiểm toán hàng tháng theo tiêu chuẩn VietGAP. Hệ số chuyển hóa thức ăn (FCR) của mô hình nuôi trung bình đã được ghi nhận là 1,11.

Phần lớn các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng chỉ cấp nước chứ không thay nước (75%), tần suất thay cấp nước trung bình là 12 ngày/lần. Tần suất thay cấp nước tùy thuộc vào thời gian nuôi, nếu tôm càng lớn thì tần suất thay nước càng ngắn, từ sau hơn hai tháng nuôi, nước được cấp thêm hầu như hằng ngày. Các chỉ tiêu chất lượng nước như pH, kiềm, oxy bão hòa, độ trong, nhiệt độ được kiểm soát hằng ngày bằng việc sử dụng bộ công cụ được tài trợ bởi chương trình khuyến khích áp dụng VietGAP của Bộ NN&PTNT thông qua các HTX. Mẫu nước tại một số điểm kênh cấp của vùng nuôi cũng được các ngành chức năng thu thập và mang đi xét nghiệm các chỉ số thủy lí (nhiệt độ, độ mặn, độ trong, độ kiềm, pH, DO) và thủy hóa (BOD₅, NO₂, NO₃, NH₄, TAN, tổng vật chất lơ lửng TSS, tổng N, tổng P, kim loại nặng và Chlo hữu cơ, phiêu sinh động thực vật) từ hai đến bốn lần mỗi tháng. Kết quả xét nghiệm mẫu nước được cơ quan chức năng thông báo rộng rãi đến người nuôi thông qua ban quản lí HTX.

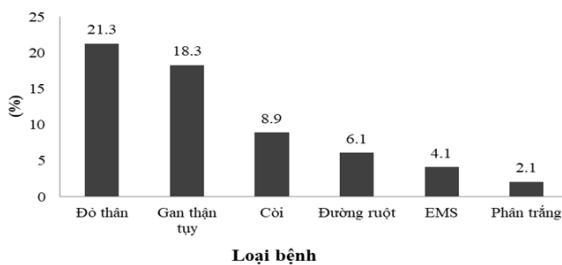
Dịch bệnh phát sinh trên 40% số hộ nuôi trong vụ vừa qua đã được ghi nhận. Các loại bệnh phát sinh phổ biến nhất là đỏ thân đốm trắng (21,3%) và hoại tử gan, thận tụy (18,3%). Các loại bệnh khác như còi, đường ruột, EMS, phân trắng xảy ra trên 2,1% đến 8,9% tổng số hộ. Một khi dịch bệnh xảy ra, người nuôi có xu hướng thu hoạch ngay (35%) nếu tôm đã đạt được kích cỡ thương phẩm (<200 con/kg). Nếu bệnh xảy ra ở giai đoạn sớm (trong tháng đầu thả nuôi), 30% hộ nuôi sử dụng thuốc để trị, tất cả các loại thuốc đều nằm trong danh mục cho phép và không có hộ nào sử dụng kháng sinh để trị

Bảng 2: Một số chỉ tiêu kỹ thuật chính trong mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng

Thông tin	Đơn vị tính	Trung bình±ĐLC	Giá trị nhỏ nhất (Min)	Giá trị lớn nhất (Max)
Diện tích nuôi tôm	m ²	6.450±3.204	1.500	24.000
Số ao nuôi	ao	2,53±1,7	1	7
Diện tích trung bình ao	m ² /ao	2.468±1.082	1.000	6.250
Độ sâu mực nước	m	1,18±0,13	0,7	2
Mật độ thả giống	con/m ²	40±12,8	20	80
Kích cỡ con giống	PL	12	10	15
FCR		1,4±0,26	0,8	1,5
Tần suất thay nước	ngày/lần	12,5±10,1	1	30
Năng suất/vụ không có bệnh	Tấn/vụ/ha	5,6±2,4	3,5	8,5
Năng suất/vụ có bệnh	Tấn/vụ/ha	2,7±1,2	0	4,3
Kích cỡ thu hoạch	(con/kg)	79±12	40	200

(Nguồn: Số liệu khảo sát, 2019)

bệnh. Nếu việc sử dụng thuốc trị không mang lại hiệu quả, 35% số hộ sẽ loại bỏ tôm nuôi và xử lý lại ao nuôi để đầu tư cho vụ sau.

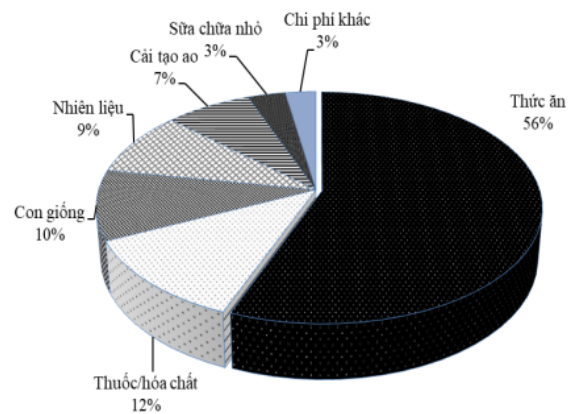
**Hình 4: Tần suất các loại bệnh phát sinh trong vụ vừa qua**

(Nguồn: Số liệu khảo sát, 2019)

- Hiệu quả tài chính

Tổng chi phí cho nuôi tôm trung bình là 312,6 triệu đồng/ha/vụ. Trong đó, chi phí cố định chiếm 6,9% tổng chi phí, chủ yếu là khấu hao đào ao nuôi tôm/xây dựng công trình nuôi tôm. Trong tổng cơ cấu chi phí biến đổi, chi phí thức ăn chiếm tỉ lệ cao nhất, với 56%; tiếp theo là chi phí thuốc/hóa chất, chi phí con giống và chi phí nhiên liệu chiếm từ 9% đến 12% trong tổng chi phí (Hình 5).

Dịch bệnh phát sinh có ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận của hộ do năng suất thu hoạch

**Hình 5: Cơ cấu chi phí biến đổi trong nuôi tôm thẻ**

(Nguồn: Số liệu khảo sát, 2019)

giảm hơn một nửa. Khi phát sinh dịch bệnh ở tôm trong giai đoạn sớm (tháng đầu sau khi thả giống) hoặc bệnh đã chuyển biến nghiêm trọng (đỏ thân đốm trắng, EMS, gan, thận, tụy), rất nhiều hộ không thể thu hoạch tôm. Điều này khiến các hộ bị thua lỗ (17%). Đối với những hộ được xem là có vụ nuôi không có phát sinh dịch bệnh trong vụ khảo sát, sau khoảng 92±10,2 ngày, tôm đạt kích cỡ trung bình là 79±12 con/kg và giá bán trung bình là 111±21,1 nghìn đồng/kg. Hiệu quả tài chính từ nuôi tôm thẻ chân trắng là khá

cao, đạt hơn 324 triệu đồng/ha/vụ. Đối với những hộ nuôi có phát sinh dịch bệnh trong quá trình nuôi, lợi nhuận giảm xuống còn khoảng một nửa (Bảng 3). Gần 50% số hộ nuôi bán tôm trực tiếp cho công ti chế biến xuất khẩu thủy sản hoặc mạng lưới thương lái thu gom cho nhà máy. Kết quả khảo sát cho thấy, có 42,6% số hộ nuôi bán tôm cho nhà máy chế biến có yêu cầu xét nghiệm, trong đó, tỉ lệ xét nghiệm đạt yêu cầu là 98%. Khi tôm xét nghiệm đạt yêu cầu của nhà máy chế biến, thông thường là các chỉ tiêu về dư lượng kháng sinh và hàm lượng chất gây nhiễm khác, giá tôm sẽ được cộng thêm từ ba đến năm nghìn đồng/kg.

V. THẢO LUẬN

A. Đánh giá hiệu quả mô hình VietGAP

Từ kết quả phân tích ở trên, chúng ta có thể thấy: việc nuôi tôm theo tiêu chuẩn VietGAP có những kết quả đáng kể. Về mặt quản lý dịch bệnh, tỉ lệ báo cáo dịch bệnh là 40%, tỉ lệ này thấp hơn so với mô hình nuôi thông thường tại tỉnh Bến Tre (62%) [4], trong khi đó, tỉ lệ bệnh nguy hiểm phát sinh ở mức thấp. Vào năm 2015, khi nông dân chưa nuôi tôm theo chứng nhận VietGAP, tỉ lệ tôm mắc các bệnh nguy hiểm như hội chứng gan, thận, tụy cấp tính và đỏ thân đốm trắng được báo cáo tương ứng trên 44% và 26% nông hộ được khảo sát [10]. Các khâu thực hành nuôi tôm phần lớn đều được thực hiện theo đúng hướng dẫn của VietGAP. Đây là nguyên nhân chính để hạn chế dịch bệnh, nhất là vấn đề thả giống với mật độ thưa, có ao lắng và quản lý môi trường nước chặt chẽ. Về mặt cải thiện chất lượng sản phẩm, 100% các hộ không sử dụng chất kháng sinh đã bị cấm. Do đó, một khi tôm nuôi theo chứng nhận VietGAP được xét nghiệm tại nhà máy chế biến, tất cả các lô hàng xét nghiệm đều đạt tiêu chuẩn xuất khẩu về mặt dư lượng kháng sinh, chỉ có 2% lô hàng bị từ chối do không đáp ứng yêu cầu xuất khẩu về chuẩn màu sắc và mầm bệnh khác. Thêm vào đó, việc nuôi tôm theo tiêu chuẩn VietGAP tạo điều kiện

thuận lợi cho nông dân bán trực tiếp cho nhà máy chế biến hoặc mạng lưới thu mua của công ti; giảm tác động của khâu trung gian. Việc nuôi tôm theo chứng nhận VietGAP đòi hỏi người nuôi tôm quy mô nhỏ hoạt động trong các HTX/THT để đạt được chứng nhận nhóm. Do đó, người nuôi quy mô nhỏ được tổ chức và quản lý tốt hơn. Hơn nữa, các HTX/THT cũng phát huy vai trò quan trọng trong việc tổ chức tập huấn, tuyên truyền nuôi tôm theo chứng nhận, hợp đồng cung cấp đầu vào (giống, thức ăn) có chất lượng và giá ưu đãi (10 – 20%), kêu gọi và thực hiện các chương trình tài trợ (chi phí chứng nhận, bộ dụng cụ quản lý môi trường, dịch vụ kiểm tra chất lượng nước và thổ nhưỡng vùng nuôi). Xét về mặt hiệu quả tài chính, chúng ta cần hiểu rằng mục tiêu của VietGAP không phải là mang lại hiệu quả về mặt tài chính một cách trực tiếp cho người nuôi, hơn nữa, việc VietGAP là một chứng nhận quốc gia, không được công nhận trên thị trường quốc tế đã làm cho người tiêu dùng quốc tế không sẵn sàng chi trả thêm một cách chính thức cho sản phẩm tôm VietGAP. Tuy nhiên, việc 98% hộ nuôi tôm theo VietGAP đạt được các chỉ tiêu xét nghiệm và nhận được giá tăng thêm từ ba đến năm nghìn đồng/kg đã gián tiếp tạo ra lợi ích kinh tế cho người nuôi. Thêm vào đó, so với mô hình nuôi tôm thông thường không theo VietGAP, thiệt hại do dịch bệnh gây ra là 212 triệu đồng/ha/vụ, 47% số hộ có bệnh bị thua lỗ [10], cao hơn nhiều so với 144,8 triệu đồng/ha/vụ và 17% thua lỗ khi nuôi theo VietGAP. Như vậy, việc ứng dụng VietGAP giúp hạn chế dịch bệnh phát sinh, từ đó giảm bớt mức thua lỗ do dịch bệnh nghiêm trọng gây ra.

B. Định hướng phát triển tương lai

Ngành hàng tôm Việt Nam có triển vọng phát triển rất lớn khi mà xuất khẩu tôm vẫn là thị trường tiêu thụ chủ yếu. Do đó, việc nuôi tôm theo các chứng nhận nhằm cải thiện chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng quốc tế là một yêu cầu cần thiết.

Bảng 3: Một số chỉ tiêu hiệu quả tài chính của mô hình

Thông tin	Đơn vị tính	Trung bình±ĐLC	Giá trị nhỏ nhất (Min)	Giá trị lớn nhất (Max)
Kích cỡ thu hoạch	Con/kg	79±12	40	200
Giá bán trung bình	Nghìn đồng/kg	111±21,1	45	150
Giá tăng thêm cho tôm xét nghiệm	Nghìn đồng/kg	3,25±2,01	2	5,5
Lợi nhuận trung bình vụ không phát sinh dịch bệnh	Nghìn đồng/ha/vụ	323.930±124.660	224.110	503.590
Lợi nhuận trung bình vụ nuôi có phát sinh dịch bệnh	Nghìn đồng/ha/vụ	179.101±26.473	0	289.334
Tỉ lệ thua lỗ (mất trắng)	%	17	-	-
Mức thua lỗ	Nghìn đồng/ha/vụ	93.165±25.455	500	127.870

(Nguồn: Số liệu khảo sát, 2019)

Nuôi tôm theo chứng nhận VietGAP không mang lại lợi ích kinh tế một cách trực tiếp cho người nuôi khi xem xét giá không chênh lệch giữa tôm thông thường và tôm VietGAP. Việc này dẫn đến người nuôi thiếu động lực trong việc chấp hành hoàn toàn những hướng dẫn của VietGAP cũng như hạn chế trong các nỗ lực và hỗ trợ để đạt được chứng nhận, đây cũng là nguyên do tỉ lệ HTX/THT được trao chứng nhận VietGAP còn rất nhỏ. Tuy nhiên, việc ứng dụng tiêu chuẩn VietGAP trong tương lai rất có ý nghĩa trong việc quản lý dịch bệnh, nâng cao chất lượng sản phẩm và tạo tiền đề để nâng cấp các chứng nhận quốc tế như ASC hay GlobalGAP. Có rất nhiều điểm tương đồng giữa VietGAP và các chứng nhận quốc tế, hơn nữa, việc áp dụng VietGAP đang nằm trong lộ trình chuyển đổi dần sang các chứng nhận quốc tế. Bộ NN&PTNT đã ban hành nhiều văn bản, sổ tay và hướng dẫn nhằm chuyển đổi VietGAP sang các chứng nhận quốc tế đặc biệt là ASC [5], [6]. Nông dân bước đầu sẽ được tổ chức vào các HTX/THT, được tập huấn, làm quen và nâng cao năng lực sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, sau khi đã đạt được chứng nhận VietGAP hoặc 60% năng lực người dân được cải thiện, các HTX/THT sẽ được tiếp tục hỗ trợ để nâng cấp lên theo tiêu chuẩn ASC (phòng vấn KIP).

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

VietGAP là một chương trình quản lý dịch bệnh và chất lượng khá hiệu quả cho người nuôi. Tiêu chuẩn VietGAP đã được địa phương khuyến khích từ năm 2013. Hiện tại, hơn 30% diện tích và số hộ nuôi tôm của tỉnh được tổ chức và quản lý hiệu quả trong các HTX/THT. Một số điểm kiểm soát được người nuôi thực hành khá tốt, đặc biệt là việc xây dựng ao lắng với diện tích phù hợp, các công trình phụ đạt chuẩn, tôm giống được kiểm dịch và thả nuôi với mật độ thích hợp, sử dụng thuốc hóa chất theo đúng hướng dẫn và thực hiện ghi chép nhật ký đầy đủ. Việc làm này giúp người nuôi hạn chế được dịch bệnh phát sinh, nhất là những bệnh nguy hiểm, từ đó, hạn chế thiệt hại kinh tế do dịch bệnh gây ra. Việc sử dụng thuốc/hóa chất theo đúng hướng dẫn của VietGAP, không sử dụng kháng sinh, giúp cải thiện chất lượng sản phẩm tôm rõ rệt, 98% lô hàng tôm xét nghiệm đạt chuẩn xuất khẩu. Từ đó, nông dân được nhận thêm từ hai đến năm nghìn đồng/kg. Tuy nhiên, tỉ lệ HTX/THT đạt được chứng nhận VietGAP còn khá thấp do nông dân không có đủ động lực về mặt tài chính để thực hiện cũng như thiếu các hỗ trợ cho chi phí kiểm toán. Như vậy, dù không mang lại lợi ích kinh tế một cách trực tiếp, việc nuôi tôm theo tiêu chuẩn VietGAP vẫn có ý

nghĩa quan trọng trong kiểm soát dịch bệnh, cải thiện chất lượng sản phẩm xuất khẩu, tổ chức sản xuất tốt hơn cho nông hộ quy mô nhỏ dưới hình thức HTX/THT và nâng cao năng lực sản xuất, tạo tiền đề nâng cấp chứng nhận quốc tế ASC.

Để làm được điều này, nông dân nuôi tôm quy mô nhỏ cần được tái cơ cấu tổ chức kinh tế tập thể bằng cách khuyến khích, tuyên truyền và vận động nông dân tham gia vào các HTX/THT. Các HTX/THT cần nâng cao năng lực quản lý và phát huy vai trò của mình. Các HTX/THT cần kết hợp với các cơ quan chuyên ngành liên quan tổ chức tập huấn và khuyến khích ứng dụng VietGAP. Các ngành chức năng cần đẩy mạnh kêu gọi tài trợ, hỗ trợ từ các dự án, chương trình quốc gia và quốc tế trong việc đẩy mạnh ứng dụng VietGAP, từng bước xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cao năng lực sản xuất và nhận thức người dân, tiến tới nâng cấp nuôi tôm theo các chứng nhận quốc tế.

VII. LỜI CẢM ƠN

Đề tài này được tài trợ bởi Dự án Nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ VN14-P6 bằng nguồn vốn vay ODA từ Chính phủ Nhật Bản.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cổng thông tin điện tử – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. *Xuất khẩu tôm năm 2019 hướng mục tiêu đạt 4,2 tỷ USD*. Truy cập từ: <https://www.mard.gov.vn/Pages/xuat-khau-tom-nam-2019-huong-muc-tieu-dat-4-2-ty-usd.aspx> [Ngày truy cập 02/7/2019].
- [2] Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản – VASEP. *Tổng quan ngành thủy sản Việt Nam*. Truy cập từ: <http://vasep.com.vn/1192/OneContent/tong-quan-nganh.htm> [Ngày truy cập 05/7/2019].
- [3] Tổng cục Thống kê. *Số liệu thống kê Nông – Lâm – Thủy sản*. Truy cập từ: <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=717> [Ngày truy cập 10/11/2019].
- [4] Quyen Nguyen Thi Kim, Sano M, and Kuga M. Current Situation of VietGAP system in White Leg Shrimp (*Litopenaeus vannamei*) Intensive Farming: Focus on disease control in the Mekong Delta. *Journal of Regional Fisheries*. 2019;59(3):146-156.
- [5] Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. *Quyết định số 1503/QĐ-BNN-TCTS ban hành tiêu chuẩn quốc gia về thực hành nuôi trồng thủy sản tốt ở Việt Nam (VietGAP)*. Hà Nội: Bộ NN&PTNN; 2011.
- [6] Nabeshima K, Michida E, Vu Nguyen Hoang, Suzuki A. Emergence of Asian GAPs and its relationship to Global G.A.P. *IDE Discussion Paper*. 2015;507:1-34.
- [7] Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. *Quyết định số 4835/QĐ-BNN-TCTS ban hành hướng dẫn áp dụng VietGAP đối với nuôi thương phẩm tôm chân trắng (P.vannamei), tôm sú (P.monodon)*. Hà Nội: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 24/11/2015.
- [8] Ha Tran Thi Thanh, Bush R S, Dijk V H. The cluster panacea: questioning the role of cooperative shrimp aquaculture in Vietnam. *Aquaculture*. 2013;388-391: 89-98.
- [9] FAO. *Cooperatives in small-scale fisheries: enabling successes through community empowerment*. International year of cooperatives issue brief series. Thailand: Bangkok; 2012.
- [10] Nguyễn Thị Kim Quyên, Huỳnh Văn Hiền và Lê Thị Ngọc Anh. Tác động về mặt tài chính và dự đoán khả năng xuất hiện dịch bệnh của mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh ở tỉnh Sóc Trăng. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*. 2017;52(Phần B):103-112.
- [11] Huỳnh Văn Hiền, Đặng Thị Phương, Nguyễn Thị Kim Quyên, Lê Nguyễn Đoàn Khôi, và Nobuyuki Yagi. So sánh hiệu quả sản xuất giữa mô hình nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng thông thường và VietGAP ở Sóc Trăng. *Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông Nghiệp Việt Nam*. 2020;1(110):97-102.
- [12] Chi cục Thủy Sản tỉnh Sóc Trăng. *Báo cáo tổng kết tình hình thủy sản năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019*. Báo cáo tổng kết hàng năm 2019. Sóc Trăng: Chi cục Thủy sản.
- [13] Khang Pham Van. *Shrimp Production in the Ben Tre province, Vietnam* [Master thesis]. Norway: The University of Tromso; 2008.
- [14] Nguyễn Thanh Phương, Trần Ngọc Hải. *Giáo trình Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi giáp xác [Tài liệu giảng dạy]*. Trường Đại học Cần Thơ; 2004.
- [15] AA1. Aquaculture Management Practices in Shrimp Farming. *Authority News*. 2002;1(2):21-24.